

Bản án số: 135/2024/HS-PT

Ngày: 06 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường Trại tạm giam Công an tỉnh T, Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 129/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 64/2024/HSST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị T, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 16/9/1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết); con bà: Vũ Thị D (đã chết); có chồng là Nguyễn Quang T1; có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Giang Hồng T2; ông Trịnh Văn T3 – Luật sư Văn phòng L, Đoàn Luật sư thành phố H. (có mặt Luật sư T2, vắng mặt Luật sư T3)

Bị hại:

1. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1992. (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Đào Thị Quỳnh T4, sinh năm 1981. (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Ông Vũ Văn H1, sinh năm 1974. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố G, thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Lê Anh T5, sinh năm 1985. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Trương Thị Hồng D1, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Diệp Văn M, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm H, xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Ông Nguyễn Hồng H2, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

6. Chị Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A hẻm A K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2019, chị Vũ Thị H là cán bộ chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P tiếp nhận hồ sơ xin cấp đổi theo mẫu giấy chứng nhận quyền sử dụng mới đổi với thửa đất số 1411, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại tiểu khu L (nay là tổ dân phố L), thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên mang tên ông Phạm Văn Đ1 và bà Phạm Thị V. Quá trình thực hiện trích lục bản đồ địa chính trên phần mềm Famis, do sơ xuất không kiểm tra thực địa nên chị H đã thể hiện sai phần mương nước giáp thửa đất thành đường giao thông và trình lãnh đạo là chị Đào Thị Quỳnh T4 ký xác nhận. Ngày 04/6/2020, ông Đ1 và bà V chuyển nhượng quyền sử dụng đất đổi với thửa đất trên cho Nguyễn Thị T, tuy nhiên Nguyễn Thị T nhờ Diệp Văn M đứng tên trên giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng.

Tháng 8 năm 2023, do có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Nguyễn Thị T đến chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P làm thủ tục thì phát hiện có sự sai lệch giữa giấy chứng nhận với thực tế thực địa, nên không thực hiện được thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến đầu tháng 11 năm 2023, T đã liên tục nhắn tin, gọi điện thoại qua ứng dụng zalo đăng ký bằng số điện thoại 0975.021.888 và trực tiếp đến chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P và huyện Đ (nơi chị T4 đang công tác) gặp và yêu cầu các cán bộ thực hiện việc thẩm định và duyệt hồ sơ chuyển nhượng, mà trực tiếp là chị T4 và chị H phải chung tay khắc phục. Ban đầu, T đưa ra lý do số tiền giải chấp ở ngân hàng đối với thửa đất là 1.270.000.000 đồng, do sai phạm nên hiện tại chỉ bán được với giá 500.000.000 đồng, các cán bộ phải có trách nhiệm khắc phục bằng cách bồi thường số tiền là 770.000.000 đồng, nhưng chị T4 không đồng ý. Ngày 14/11/2023, T tiếp tục đến chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ yêu cầu chị T4 phải khắc phục mảnh đất theo đúng sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tìm người mua lại với giá 1.100.000.000 đồng nếu không sẽ gửi đơn đến Thanh tra tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Sở Tài nguyên môi trường tỉnh T để tố cáo sai phạm. Đồng thời, lợi dụng bản thân là người có ảnh hưởng trên mạng xã hội, Tin đe dọa sẽ công khai nội dung

sai phạm lên mạng xã hội Facebook để cộng đồng phán xét. Lo sợ ảnh hưởng đến danh dự và uy tín cá nhân và công việc, chị T4 đồng ý và giới thiệu anh Nguyễn Hồng H2 đến xem thửa đất trên. Sau khi xem xét thực địa, anh H2 chỉ đồng ý mua lại thửa đất trên với giá 800.000.000 đồng. Do đó, từ ngày 14/11/2023 đến ngày 27/11/2023, Tin tiếp tục đe dọa và trực tiếp yêu cầu chị T4 và chị H cùng nhau khắc phục và phải đưa cho Tin số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 27/11/2023, Tin yêu cầu chị H chuyển trước số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 19032858063019 của Ngân hàng T6 mang tên Nguyễn Thanh H3 và tài khoản ngân hàng số 103880448860 của Ngân hàng V1 mang tên Trần Thị Hồng N (là con dâu của T) để Tin trả nợ. Tuy nhiên, chị H không đồng ý và đề nghị gửi số tài khoản của Tin để trực tiếp chuyển khoản. Đến ngày 28/11/2023, không thấy chị H chuyển tiền, T tiếp tục đe dọa sẽ gửi đơn và đăng lên mạng xã hội. Chị H giải thích do bản thân và các cán bộ khác lo sợ T vẫn làm đơn kiện nên chưa chuyển tiền và đề nghị chuyển trước cho T 50.000.000 đồng mong Tin không kiện nữa, thì T đồng ý. Chị H đã chuyển tiền từ tài khoản số 108005602828 Ngân hàng V2 của mình đến số tài khoản của Tin như đã trao đổi. Sau đó, do lo ngại Tin không giữ lời hứa và tiếp tục đe dọa, chị H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tố cáo hành vi của T, giao nộp 01 USB màu bạc, nhãn hiệu HIKVISION 8GB, bên trong lưu trữ 04 bản ghi âm, niêm phong trong bì ký hiệu H1 gửi giám định âm thanh.

Ngày 29/11/2023, Nguyễn Thị T đến Công an huyện P nộp số tiền 50.000.000 đồng, do số tiền trên được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Tin với nội dung chuyển khoản không rõ ràng, nên đã đến để giao nộp và xử lý theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số 9652/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của V3 Bộ C kết luận:

“- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là “bác”, “tao” được gọi là “bác” trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thị T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người phụ nữ tự xưng là “cháu” được gọi là “mày” trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Vũ Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người.”

Tại bản án số 64/2024/HSST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1. Áp dụng: Điều 38; điểm a khoản 3 Điều 170; Điều 47; 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, 136, 329, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/11/2023.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 Promax màu trắng, số máy MU783VN/A, seri HL91TQXTGX, IMEI1 353650693756897, IMEI2 353650694477089, lắp kèm 01 sim hiển thị số thuê bao 0975.021.888, tình trạng máy: hoạt động bình thường, chưa qua kiểm tra chi tiết máy bên trong, được niêm phong trong bì ký hiệu X1;

- Hoàn trả bị cáo 08 (tám) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 05 (năm) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, 01 (một) bản sao căn cước công dân của Diệp Văn M được niêm phong trong bì ký hiệu T9.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Ngày 07/10/2024, bị cáo kháng cáo kêu oan và không nhất trí việc tịch thu chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

Phản kết luận tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo đã nộp Giấy chứng nhận tham gia Dân công hỏa tuyến của bà Vũ Thị D (là mẹ đẻ của bị cáo) và giấy xác nhận hiến đất, ủng hộ kinh phí làm đường giao thông liên huyện và xây dựng Nhà văn H4; tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo xác định đã nộp lại số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với kết luận của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo, Luật sư đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định mức hình phạt thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo tốt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm sau khi đối đáp với ý kiến của Luật sư.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng tháng 11/2023, khi phát hiện sai sót của các cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P gây ảnh hưởng đến giá trị và việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1411 tờ bản đồ số 31 tại TDP L, thị trấn Đ, huyện P, Nguyễn Thị T đã liên tục nhắn tin, gọi điện, trực tiếp đến gặp và yêu cầu các cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P mà trực tiếp chị Đào Thị Quỳnh T4 - khi đó là Giám đốc, chị Vũ Thị H - cán bộ làm hồ sơ và một số cán bộ Văn phòng, phải chuyển cho Tin số tiền 300.000.000 đồng, nếu không sẽ gửi đơn tố cáo sai phạm đến các cơ quan có thẩm quyền và công khai nội dung sai phạm lên mạng xã hội Facebook để cộng đồng phán xét. Lo sợ ảnh hưởng đến danh dự, uy tín cá nhân và công việc, ngày 28/11/2023, chị T4 và chị H đã chuyển trước cho Tin số tiền 50.000.000 đồng như thỏa thuận.

Với hành vi trên, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo đã nộp Giấy chứng nhận tham gia Dân công hỏa tuyến của bà Vũ Thị D (là mẹ đẻ của bị cáo) và giấy xác nhận hiến đất, ủng hộ kinh phí làm đường giao thông liên huyện và xây dựng Nhà văn H4; tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo xác định đã nộp lại số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả của vụ án nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo cũng như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với vật chứng vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng chiếc điện thoại này để thực hiện hành vi phạm tội nên việc tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo không đề nghị trả lại chiếc điện thoại này cho bị cáo nên cần giữ nguyên quyết định xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng cho bị cáo là có căn cứ, về hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T; sửa một phần bản án sơ thẩm số 64/2024/HSST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 07 (bảy) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời tù tính từ ngày 29/11/2023.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 15 Promax màu trắng, số máy MU783VN/A, seri HL91TQXTGX, IMEI1 353650693756897, IMEI2 353650694477089, lắp kèm 01 sim hiện thị số thuê bao 0975.021.888, tình trạng máy: hoạt động bình thường, chưa qua kiểm tra chi tiết máy bên trong, được niêm phong trong bì ký hiệu X1.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 64/2024/HSST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- Sở Tư pháp T. Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn

